

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Bản án số: **62/2020/HSPT**

Ngày: 28 - 5 - 2020.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kế Nghiệp

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn

Ông Nguyễn Như Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Nghĩa Biên - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2020/HSPT ngày 05 tháng 03 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn V và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Lê Văn V, Lê Thị L, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thanh L, Phạm Thị P, Nguyễn Thị D, Lê Thị P và Vũ Thị Kim L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 62/2019/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Lê Văn V, sinh năm: 1985; tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Y (chết) và bà Phan Thị L; Có vợ tên Trương Thị Phương D; Con có hai người lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị tạm giữ ngày 29/9/2018 đến ngày 08/10/2018 chuyển sang tạm giam. Đến ngày 30/01/2019

thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Lê Thị L, sinh năm:1982; tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Y (chết) và bà Phan Thị L; Có chồng tên Lê Văn K (đã ly hôn); Con có 02 người lớn nhất sinh năm 2001 và nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến 08/10/2018 chuyển sang tạm giam. Đến ngày 14/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Vũ Thị Kim L, sinh năm: 1981; tại thành phố V, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: Khu vực 4, phường 7, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Đức T (chết) và bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 1961; Có chồng tên Bùi Quốc T, sinh năm: 1980; Con có 01 người sinh năm 2013.

Tiền án: Có một tiền án vào ngày 03/6/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, chấp hành xong vào ngày 03/6/2018. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến 08/10/2018 chuyển sang tạm giam. Đến ngày 14/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Tiền sự: Chưa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1953; tại thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: Khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị S (chết); Có chồng tên Nguyễn Văn N (chết);

Tiền sự: Có một tiền sự vào ngày 19/9/2017, bị Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền;

Tiền án: Ngày 26/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng đối với hành vi đánh bạc nhưng chưa chấp hành xong.

Nhân thân: Ngày 11/8/2006, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang xử phạt 03 tháng tù buộc chấp hành 09 tháng tù cho hưởng án treo, chuyển thành án giam của bản án số 17/2005/HS-ST ngày 16/9/2005 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang. Tổng hợp hình phạt 02 bản án L 12 tháng tù, nộp bổ sung là 3.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng, đã thi hành xong. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 08/10/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bị cáo Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị C; Có chồng tên Nguyễn Ngọc T; Con có 03 người lớn nhất sinh năm 1992 và nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án: Ngày 14/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt số tiền 10.000.000 đồng nhưng chưa chấp hành xong.

Nhân thân : Vào ngày 28/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt số tiền 5.000.000 đồng.

Tiền sự: Chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 08/10/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu vực 1, phường 3, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị C; Có chồng nhưng đã ly hôn và có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, Tiền sự: Chưa;

Nhân thân: Vào ngày 09/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang phạt 6 tháng tù treo.

Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 02/10/2018 cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1966; tại huyện C, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị D; Có vợ tên Lê Thị Thu V; Con có 02 người lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2001;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Nhân thân: Vào ngày 28/11/2006 bị kết án về tội đánh bạc, đã chấp hành xong. Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/9/2018 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Bị cáo Phạm Thị P, sinh năm: 1976; tại huyện T, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Q và bà Bùi Thị B; Có chồng tên Nguyễn Văn G; Con có 02 người lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2001;

Tiền án: Chưa; Tiền sự: Có 02 tiền sự, vào ngày 29/9/2017, bị Công an huyện G xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền và ngày 05/7/2018 bị Công an tỉnh H xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền, đã chấp hành xong.

Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 08/10/2018 cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm: 1958; tại huyện P, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp S, xã Đ, thị xã N, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị N; Có chồng tên Nguyễn Văn Đ; Con có 03 người lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: Chưa;

Nhân thân: Vào ngày 21/6/2007, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang xử phạt về tội đánh bạc với mức hình phạt L 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách L 18 tháng. Ngày 26/3/2012, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt về tội đánh bạc với hình phạt tiền là 5.000.000 đồng, chấp hành xong. Ngày 26/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện C xét xử về tội đánh bạc với mức án là 6 tháng tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng bản án đang trong giai đoạn kháng cáo. Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/9/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Bị cáo Lê Thị P (tên gọi khác D), sinh năm: 1972; tại huyện P, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C (chết) và bà Trần Thị A; Có chồng tên Tạ Thanh K; Con có 02 người lớn nhất sinh năm 2000 nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án: Vào ngày 14/11/2018 bị kết án về tội đánh bạc, xử phạt 14.000.000 đồng theo Bản án số 69/2018/HS-ST, chưa thực hiện xong.

Tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/9/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 29/9/2018, Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang đã bắt người phạm tội quả tang tại nhà bị cáo Trương Thúy A, ngụ ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang do bị cáo Lê Văn V tổ chức với 03 chiếc bạc cho các con bạc trong và ngoài tỉnh tham gia sát phạt nhau với hình thức ăn thua bằng tiền. Cùng tham gia với V còn có Lê Thị L và Phan Văn Đ tham gia với vai trò giúp sức, L có nhiệm vụ trông coi, cung cấp bài, chiếu và thu xâu khi không có V tại sòng bạc. Còn bị cáo Phan Văn Đ thì dùng võ máy đưa đón các con bạc đến địa điểm do V tổ chức .

Các con bạc được V rủ rê, điện thoại thông báo địa điểm để đến đánh bài thắng thua bằng tiền gồm có: Vũ Thị Kim L, Huỳnh Thị D, Ngô Thị Thanh N, Lưu Thị Kim E, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Trần Thị Thanh L, Nguyễn Thị L, Phan Thanh, Nguyễn Thanh L, Tô Thị P, Trần Thị M, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn Ly, Phạm Thị P, Nguyễn Thị D, Đỗ Ngọc P, Lê Thị Phương N, Phạm Văn R, Lê Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim C, Lâm Thị Hồng H, Lê Thị P và Nguyễn Thị D.

Các con bạc tham gia chơi loại bài binh 06 lá, chia Lm 04 nhóm ăn thua như sau: Người làm cái (tự cái) L người trực tiếp chia bài và trực tiếp ăn thua với các con bạc khác; Người chơi chính (tự chính) L người được tự cái chia bài và đặt tiền thắng thua với tự cái; Người chơi ké tự chính L người bỏ tiền ra ké vào người đặt tự chính và thắng thua với nhà cái; Người tham gia thanh tự cái L người bỏ tiền ra ké tự cái để khi nào tự cái thắng người thanh sẽ thắng theo.

Quá trình điều tra đã chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Bị cáo Lê Văn V trực tiếp đứng ra thuê địa điểm, cung cấp chiếu, bài tây, dùng điện thoại số sim 0941575610 rủ rê các con bạc từ các địa phương trong và ngoài huyện, tỉnh đến địa điểm đánh bạc tại nhà bị cáo Trương Thúy A, ngụ ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo V phân công bị cáo Lê Thị L lấy tiền xâu khi V không có mặt tại sòng bạc và trả tiền thuê nhà cho bị cáo An. Đối với các con bạc đến từ các tỉnh khác thì tập trung tại quán cà phê của chị Phận ngụ ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, bị cáo Phan Văn Phan Văn Đ dùng võ máy đưa đến sòng bạc (cách khoảng 5 km, do không đi bằng xe được). V lấy xâu, mỗi bộ bài mới 50.000 đồng, lấy tiền bến (tiền đò) đối với những con bạc nào vào tham gia đặt tự chính, ké tự chính và thanh nhà cái, mỗi người từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng tùy theo các con bạc thắng hay thua. Ngày 29/9/2018 V tổ chức 03 chiếu bạc cùng một lúc cho các con bạc đánh bài ăn thua bằng tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng cho mỗi tụ bài.

Bị cáo Lê Văn V thuê nhà của bị cáo Trương Thúy A giá 300.000 đ/ngày để tổ chức cho các con bạc đến đây đánh bài ăn thua bằng tiền và lấy xâu. Tại nhà bị

cáo An, V thuê tổng số 4 ngày, từ các ngày 26-29/9/2018. Cụ thể: Ngày 26/9/2018, buổi sáng V có mặt thu xâu được số tiền 1.200.000 đồng, buổi chiều L thu xâu được 1.600.000 đồng; Ngày 27 đến 28/9/2019 L thu xâu được 2.600.000 đồng; Riêng ngày 29/9/2018 chưa lấy xâu được thì đã bị bắt quả tang. Tổng cộng số tiền xâu thu được 03 ngày L 5.400.000 đồng nhưng chưa nhận được từ bị cáo L số tiền thu xâu L 4.200.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng thời gian từ ngày 22/9/2019 đến ngày 25/9/2019, V còn mượn nhà của Lê Ngọc G ngụ ấp H B, xã Ngọc Hòa, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Do Giàu không thường xuyên ở nhà nên V vào nhà Giàu tổ chức cho các con bạc đánh bài để thu xâu, tại địa điểm này có từ một đến hai chiếu bạc còn ai tham gia, số lượng bao nhiêu, mức độ ăn thua, bị cáo V không biết nhưng V trực tiếp lấy xâu được 4 ngày (Ngày 22/9/2018 xâu được 300.000 đồng, ngày 23/9/2018 xâu được 600.000 đồng, ngày 24/9/2018 xâu được 700.000 đồng, ngày 25/9/2018 xâu được 500.000 đồng. Tổng cộng số tiền xâu thu được tại nhà Giàu 04 ngày L 2.100.000 đồng.

Giữa bị cáo L và bị cáo V có thỏa thuận những ngày không có bị cáo V ở tại tụ điểm đánh bạc, bị cáo L sẽ L người trực tiếp lấy xâu cho bị cáo V, bị cáo V sẽ trả cho bị cáo L từ 100.000 - 200.000 đồng/ngày. Bốn ngày tại nhà bị cáo An, bị cáo đã thu xâu cho bị cáo V số tiền L 4.200.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 29/9/2018, bị cáo L có tham gia sát phạt ăn thua bằng tiền cùng với các bị cáo D, P, N, R, T, C, H và Lê Thị P tại chiếu bạc trước cửa phòng ngủ. Khi đến địa điểm đánh bạc bị cáo L mang theo số tiền 115.100.000 đồng và dùng số tiền 15.100.000 đồng (Trong đó: có tiền thu xâu L 4.200.000 đồng chưa đưa V) sử dụng vào mục đích đánh bạc. L làm thành tụ cái 200.000 đồng/ván, thắng 200.000 đồng.

Khi bị bắt quả tang tạm giữ hành chính số tiền của bị cáo L L 115.300.000 đồng, riêng số tiền 100.000.000 đồng không liên quan đến đánh bạc nên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G trao trả lại cho bị cáo L.

Bị cáo Phan Văn Đ thỏa thuận cùng Lê Văn V dùng vỏ máy đưa rước các con bạc vào điểm đánh bạc do bị cáo V tổ chức. Khi nào V thay đổi địa điểm sẽ báo cho bị cáo Phan Văn Đ biết. Lúc đầu bị cáo Phan Văn Đ đưa rước các con bạc

đến địa điểm đánh bạc tại nhà Lê Ngọc G. Sau đó, V thay đổi địa điểm đến nhà bị cáo Trương Thúy An, bị cáo Phan Văn Đ tiếp tục đưa rước các con bạc theo địa điểm mà bị cáo V tổ chức. Hàng ngày, bị cáo Phan Văn Đ lấy tiền từ các con bạc trung bình từ 100.000 đồng - 130.000 đồng. Tổng cộng Phan Văn Đ đưa rước các con bạc L 7 ngày (trong đó có 5 ngày lấy tiền từ các con bạc). Như vậy, số tiền Phan Văn Đ lấy từ các con bạc L 575.000 đồng. Có 02 lần các con bạc không đưa tiền cho bị cáo Phan Văn Đ, L do con bạc thua hết tiền thì bị cáo Phan Văn Đ nói với bị cáo V hôm nay lỗ vốn nên bị cáo V cho Phan Văn Đ 02 lần bằng 120.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Phan Văn Đ thu lợi bất chính L 695.000 đồng.

Bị cáo Trương Thúy A thỏa thuận với bị cáo Lê Văn V cho thuê nhà để bị cáo V tổ chức cho các con bạc đánh bài ăn thua bằng tiền đồng thời trả cho bị cáo A mỗi ngày 300.000 đồng, bị cáo An đã cho bị cáo V thuê được 4 ngày và thu được số tiền L 1.200.000 đồng.

Hành vi đánh bạc của các bị cáo thể hiện qua các chiếu bạc sau:

Chiếu bạc thứ nhất tại phòng khách gồm các bị cáo Vũ Thị Kim L, Huỳnh Thị D, Ngô Thị Thanh N, Lưu Thị Kim E tham gia, chiếu bạc của các bị cáo tham gia do một người đàn ông lạ mặt không rõ họ tên L tụ cái, mỗi tụ ít nhất 100.000 đồng, cao nhất L 500.000 đồng. Các bị cáo đặt tụ con và xác định số tiền các bị cáo mang theo dùng vào mục đích đánh bạc: Bị cáo Vũ Thị Kim L mang theo số tiền 106.400.000 đồng trong đó sử dụng 1.400.000 đồng vào mục đích đánh bạc, thể hiện vai trò đặt ké tụ chính, không thắng cũng không thua, bị tạm giữ hành chính số tiền 106.400.000 đồng. Bị cáo Huỳnh Thị D mang theo số tiền 16.600.000 đồng dùng để đánh bạc, thể hiện vai trò đặt ké tụ chính thua hết 200.000 đồng, bị tạm giữ 16.400.000 đồng. Bị cáo Ngô Thị Thanh N mang theo số tiền 800.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc thể hiện vai trò đặt ké tụ chính, thua hết 800.000 đồng, không bị tạm giữ gì. Bị cáo Lưu Thị Kim E mang theo số tiền 4.500.000 đồng dùng để đánh bạc, thực hiện vai trò đặt tụ chính thắng 600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của bị cáo Kim Em L 5.100.000 đồng, bị tạm giữ hành chính số tiền 30.100.000 đồng. Trong đó, có 25.000.000 đồng không dùng vào mục đích đánh bạc đây L số tiền hụi do bị cáo E nhận của bà N tại chiếu bạc, không mang theo

đánh bạc. Tổng số tiền kiểm tra hành chính các con bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc thắng thua tại chiếu bạc thứ nhất L 22.900.000 đồng.

Chiếu bạc thứ hai tại giường xi măng gồm các bị cáo Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Trần Thị Thanh L, Nguyễn Thị L, Phan Thanh H, Nguyễn Thanh L, Tô Thị P, Trần Thị M, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn L, Phạm Thị P tham gia: Tại chiếu bạc này bị cáo Đ hùn với Nguyễn Thị D (đã bỏ trốn chưa làm việc được) và Nguyễn Thị P làm tụ cái ăn thua mỗi tụ từ 200.000 đồng – 500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Trần Thị Thanh L, Phan Thanh H, Nguyễn Thanh L, Tô Thị P, Phạm Thị P tham gia với vai trò đặt tụ chính, các bị cáo Trần Thị M, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn L thể hiện vai trò ké với tụ chính. Số tiền các bị cáo mang theo dùng vào mục đích đánh bạc gồm: bị cáo Huỳnh Thị Đ mang theo số tiền 33.200.000 đồng, khi bị bắt bỏ chạy nên không biết thắng hay thua, bị tạm giữ hành chính số tiền 32.900.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị P mang theo 1.000.000 đồng, khi bị bắt bỏ chạy nên không biết thắng hay thua, bị tạm giữ 500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Kim L mang theo số tiền 1.700.000 đồng, khi bị bắt bỏ chạy rút tiền nên không biết thắng hay thua, bị tạm giữ 700.000 đồng. Bị cáo Trần Thị Thanh L mang theo số tiền 4.500.000 đồng, không thắng không thua, bị tạm giữ 4.500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị L mang theo số tiền 2.000.000 đồng thắng 200.000 đồng, khi bị bắt bỏ chạy rút mất 200.000 đồng, bị tạm giữ 2.000.000 đồng. Bị cáo Phan Thanh H mang theo số tiền 800.000 đồng, thua 200.000 đồng, còn 600.000 đồng chạy rút mất, không tạm giữ gì. Bị cáo Nguyễn Thanh L mang theo số tiền 15.000.000 đồng lấy ra 2.000.000 đồng đặt tụ chính chung với Tô Thị P không thắng không thua, bị tạm giữ 17.000.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng của Tô Thị Phụng hùn đặt chung tụ. Bị cáo Tô Thị P mang theo số tiền 15.000.000 đồng, lấy ra 2.000.000 đồng đưa trước cho Nguyễn Thanh L để hùn đặt chung tụ chính không thắng không thua, bị tạm giữ 13.000.000 đồng. Bị cáo Trần Thị M mang theo số tiền 3.000.000 đồng, thua 400.000 đồng, bị tạm giữ 2.600.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn H (Nguyễn Văn D) mang theo số tiền 15.000.000 đồng, thắng 500.000 đồng, bị tạm giữ 15.500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị L mang theo số tiền 9.100.000 đồng, quá trình bị bắt bỏ chạy rút tiền, không

xác định thắng hay thua, bị tạm giữ 9.100.000 đồng. Bị cáo Lê Văn L mang theo số tiền 2.600.000 đồng thua 500.000 đồng, bị tạm giữ 2.100.000 đồng. Bị cáo Phạm Thị P mang theo số tiền 20.000.000 đồng để đánh bạc, thua 1.000.000 đồng, bị tạm giữ 19.000.000 đồng. Tổng số tiền kiểm tra hành chính các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc thắng thua tại chiếu bạc thứ hai L 118.900.000 đồng.

Chiếu bạc thứ ba trước cửa phòng ngủ gồm các bị cáo Nguyễn Thị D, Đỗ Ngọc P, Lê Thị Phương N, Phạm Văn R, Lê Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim C, Lâm Thị Hồng H, Lê Thị P, Lê Thị L tham gia. Lúc đầu, nhà cái L một người đàn ông không rõ họ tên địa chỉ. Sau đó, người đàn ông lạ mặt nghỉ thì bị cáo D và bị cáo P cùng làm cái. Bị cáo N, P, L tham gia vai trò thành nhà cái, các bị cáo còn lại thể hiện vai trò kẻ tụ chính. Số tiền các bị cáo mang theo sử dụng vào mục đích đánh bạc: Bị cáo Nguyễn Thị D mang theo số tiền 56.100.000 đồng, thua 100.000 đồng, bị tạm giữ 56.000.000 đồng. Bị cáo Đỗ Ngọc P mang theo số tiền 9.400.000 đồng, không thắng không thua, bị tạm giữ 9.400.000 đồng. Bị cáo Lê Thị Phương N mang theo số tiền 7.400.000 đồng, thắng 200.000 đồng, bị tạm giữ 7.600.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn R mượn bị cáo Thanh 50.000.000 đồng tại chiếu bạc trong số 100.000.000 đồng Rô nhận của Tiệp nhờ đưa bị cáo Kim T. Bị cáo Rô dùng số tiền mượn trên vào mục đích đánh bạc vai trò đặt tụ chính và bắt tụ nhà cái với L, thua 1.000.000 đồng, quá trình bị bắt chạy rút mất 28.200.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 20.800.000 đồng. Bị cáo Lê Thị Kim T mang theo số tiền 11.900.000 đồng, thua 600.000 đồng, chạy rút mất 300.000 đồng, còn lại 11.000.000 đồng. bị tạm giữ 61.000.000 đồng Trong đó có 50.000.000 đồng Rô đưa cho T tại chiếu bạc nhưng không dùng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Thị Kim C mang theo số tiền 32.000.000 đồng thắng 150.000 đồng, trong lúc bị bắt chạy rút 150.000 đồng, bị tạm giữ 32.000.000 đồng. Bị cáo Lâm Thị Hồng H mang theo số tiền 22.000.000 đồng, thua 600.000 đồng, bị tạm giữ 21.400.000 đồng. Bị cáo Lê Thị P mang theo số tiền 19.600.000 đồng, thua 600.000 đồng, bị tạm giữ 19.000.000 đồng. Bị cáo Lê Thị L mang theo số tiền 115.100.000 đồng dùng 15.100.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, trong đó có 4.200.000 đồng tiền thu xâu cho V. Còn 100.000.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc đây L tiền của chồng bị

cáo L dùng đặt cọc lúa. Tổng số tiền kiểm tra hành chính các con bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc thắng thua tại chiếu bạc thứ ba L 192.500.000 đồng.

Ngày 08/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Lê Văn V, Lê Thị L, Phạm Văn R và Vũ Thị Kim L. Khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đỗ Ngọc P, Huỳnh Thị Đ, Phạm Thị P, Ngô Thị Thanh N và Nguyễn Thị P để điều tra.

Đến ngày 08 tháng 10 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Lê Văn V, Lê Thị L, Vũ Thị Kim L, Phạm Văn R để điều tra. Khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đỗ Ngọc P, Huỳnh Thị Đ, Phạm Thị P, Ngô Thị Thanh N, Nguyễn Thị P để điều tra.

Ngày 29/10/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G ra quyết định khởi tố các bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trương Thúy A, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn H, Huỳnh Thị D, Lưu Thị Kim E, Lâm Thị Hồng H, Lê Thị Kim T, Nguyễn Thị L, Lê Thị P, Lê Thị Phương N, Lê Văn L, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị D, Phan Thanh H, Trần Thị Thanh L, Trần Thị M, Tô Thị P và Nguyễn Thị L để điều tra.

Ngày 30/5/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Phan Văn Đ để điều tra.

Đến ngày 14/12/2018, Lê Thị L, Vũ Thị Kim L và Phạm Văn R được cho tại ngoại. Đến ngày 30/01/2019 cho Lê Văn V tại ngoại.

Riêng Nguyễn Thị D đã bỏ trốn chưa làm việc được.

*** Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:**

- Tiền Việt Nam 1.900.000 đồng là số tiền thu giữ trên 03 chiếu bạc.
- Tiền Việt Nam 6.685.000 làm số tiền các đối tượng vớt tại hiện trường.
- Tiền Việt Nam 635.600.000 đồng làm số tiền kiểm tra trên người các con bạc.
- Bài tây đã qua sử dụng: 624 lá
- Bài tây chưa sử dụng: 110 bộ

- Chiều lát đã qua sử dụng: 03 chiếc
- Một máy xăng màu Phan Văn Đ hiệu MUTOYAMA 6.5HP, trên nắp mặt nạ có chữ titanium TX200.
- Một vỏ máy Composite hiệu Cà Mau T 2, dài 8,5m, thân màu xanh, lườn màu trắng, có 05 sạp bằng gỗ.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2020/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:**

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn V phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Văn V 12 (Mười hai) tháng tù . Khấu trừ vào thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là 4 tháng 2 ngày. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thị L 08 tháng tù. Khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 02 tháng 15 ngày. Thời gian thi hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thị L 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Vũ Thị Kim L 06 tháng tù. Khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 2 tháng 15 ngày. Thời gian thi hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Đ 08 tháng tù. Khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ

L 09 ngày. Thời gian thi hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi và bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị P từ 07 tháng tù. Thời gian thi hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ L 09 ngày.

Bị cáo Nguyễn Thị L 07 tháng tù. Thời gian thi hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ 03 ngày.

Bị cáo Nguyễn Thanh L 07 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Bị cáo Phạm Thị P 07 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ là 09 ngày.

Bị cáo Nguyễn Thị D 08 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Bị cáo Lê Thị P 07 tháng tù giam. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Phan Văn Đ, Trương Thúy A, Ngô Thị Thanh N, Huỳnh Thị D, Lưu Thị Kim E, Nguyễn Thị Kim L, Trần Thị Thanh L, Phan Thanh H, Tô Thị P, Trần Thị M, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn L, Đỗ Ngọc P, Lê Thị Phương N, Phạm Văn R, Lê Thị Kim T, Lâm Thị Hồng H, Nguyễn Thị Kim C bị Tòa án sơ thẩm tuyên phạt nhưng các bị cáo không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đồng thời, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2019, bị cáo Nguyễn Thị P kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do bản thân bị bệnh tiểu đường và con đi nghĩa vụ quân sự, gia đình không đất sản xuất.

Ngày 16/11/2019, bị cáo Huỳnh Thị Đ kháng cáo xin được hưởng án treo và xin nhận lại số tiền 30.000.000 đồng bị thu giữ. Với lý do, số tiền không liên quan đến phạm tội và bị cáo đang bị bệnh nặng.

Ngày 18/11/2019, bị cáo Lê Thị L kháng cáo xin được giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Cùng ngày 18/11/2019, bị cáo Lê Thị P kháng cáo xin được phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc án treo.

Ngày 19/11/2019, bị cáo Phạm Thị P xin giảm hình phạt tù, xin được hưởng án treo. Với lý do, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị thoái hóa cột sống, con bị cáo phải đi khám nghĩa vụ quân sự, anh chồng là liệt sĩ.

Cùng ngày 19/11/2019, bị cáo Nguyễn Thị L kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do là mẹ đơn thân, một mình nuôi con nhỏ và có chú ruột là liệt sĩ.

Bị cáo Nguyễn Thanh L kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do lao động chính, đang nuôi mẹ già, con đang đi học.

Bị cáo Lê Văn V kháng cáo xin chuyển qua hình phạt tiền, với lý do hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động duy nhất phải nuôi vợ và hai con.

Ngày 20/11/2019, bị cáo Nguyễn Thị D kháng cáo xin được hưởng án treo và được nhận lại số tiền 56.000.000 đồng.

Ngày 25/11/2019, bị cáo Vũ Thị Kim L kháng cáo xin hình phạt tiền hoặc án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn V, Lê Thị L đã thừa nhận có tổ chức cho các con bạc Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị P, Phạm Thị P,

Nguyễn Thị D, Lê Thị P và Vũ Thị Kim L tham gia đánh bạc thua bằng tiền; riêng Lê Thị L còn trực tiếp tham gia đánh bạc với các con bạc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Văn V, Lê Thị L tội “Tổ chức đánh bạc” và các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị P, Phạm Thị P, Nguyễn Thị D, Lê Thị P và Vũ Thị Kim L về tội “Đánh bạc” L đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và cân nhắc áp dụng cho các bị cáo Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để tuyên xử bị cáo Lê Văn V 12 tháng tù, Lê Thị L 08 tháng tù và 35.000.000 đồng, Vũ Thị Kim L 06 tháng tù, Huỳnh Thị Đ 08 tháng tù, Nguyễn Thị P từ 07 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thị L 07 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thanh L 07 tháng tù, bị cáo Phạm Thị P 07 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thị D 08 tháng tù, bị cáo Lê Thị P 07 tháng tù giam là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn V, Lê Thị L, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị P, Phạm Thị P, Nguyễn Thị D, Lê Thị P và Vũ Thị Kim L trong thời hạn luật định về người kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo các điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên đủ điều kiện để HĐXX xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo như bản án sơ thẩm; qua lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để khẳng định:

Từ ngày 26/9/2018 đến ngày 29/9/2018, bị cáo Lê Văn V đã thuê nhà của bị cáo Trương Thúy A thuộc ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang để tổ chức đánh bạc. Bị cáo V trực tiếp cung cấp chiếu, bài tây và dùng sim điện thoại 0941575610 chủ động liên hệ, lôi kéo các đối tượng tham gia đánh bạc ăn tiền nhằm thu tiền xâu. Tổng cộng ba ngày tổ chức đánh bạc, bị cáo đã thu lợi bất chính được số tiền 5.400.000 đồng (bị cáo L đang giữ 4.200.000 đồng), riêng ngày 29/9/2018 khi đang tổ chức ba chiếu bạc, chưa lấy tiền xâu thì bị cáo bị bắt quả tang. Cụ thể:

Chiếu bạc thứ nhất gồm các bị cáo Vũ Thị Kim L, Huỳnh Thị D, Ngô Thị Thanh N, Lưu Thị Kim E tham gia đánh bạc với nhau, tổng số tiền kiểm tra hành chính mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 22.900.000 đồng.

Chiếu bạc thứ hai gồm các bị cáo Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Trần Thị Thanh L, Nguyễn Thị L, Phan Thanh H, Nguyễn Thanh L, Tô Thị P, Trần Thị M, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn L, Phạm Thị P tham gia đánh bạc với nhau, tổng số tiền kiểm tra hành chính mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 118.900.000 đồng.

Chiếu bạc thứ ba gồm các bị cáo Nguyễn Thị D, Đỗ Ngọc P, Lê Thị Phương N, Phạm Văn R, Lê Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim C, Lâm Thị Hồng H, Lê Thị P, Lê Thị L tham gia đánh bạc với nhau, tổng số tiền kiểm tra hành chính mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 192.500.000 đồng.

Cùng tham gia tổ chức đánh bạc với bị cáo V còn có bị cáo L, bị cáo Phan Văn Đ với vai trò giúp sức, bị cáo Phan Văn Đ đưa rước các người chơi đánh bạc. Khi không có mặt bị cáo V, bị cáo L L người trực tiếp tổ chức cho các con bạc tham gia đánh bạc với nhau, bị cáo L cung cấp bài, thu tiền xâu. Khi bị bắt, bị cáo đã trực tiếp lấy xâu với số tiền 4.200.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 BLHS; bị cáo Lê Thị L phạm tội “*Đánh bạc*” và “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 và điểm a, c khoản 1 Điều 322 BLHS; bị cáo Vũ Thị Kim L phạm tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 và các bị cáo Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thanh L, Phạm Thị P, Nguyễn Thị D, Lê Thị P phạm tội

“Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS L đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. Các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức để biết được rằng việc tổ chức cho người khác đánh bạc, tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền L vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội để thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, tác động xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức án thật nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo; đồng thời để phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX nhận thấy:

[4.1]. Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Văn V xin được chuyển hình thức phạt tiền, HĐXX xét thấy:

Mặc dù, bị cáo bị truy tố tại khoản 1 Điều 322 BLHS với khung hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm nhưng bị cáo có hai tình tiết định khung tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 BLHS L: Điểm a khoản 1 Điều 322 của BLHS năm 2015 tổ chức đánh bạc cho 10 người đánh bạc trở lên, tổ chức từ hai chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc; điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015 L số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để tuyên xử bị cáo với mức hình phạt 01 năm tù L tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo tổ chức cùng lúc nhiều chiếu bạc, nhiều người tham gia, sử dụng số tiền lớn để đánh bạc, do đó cần cách ly bị cáo, có mức án nghiêm để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Do vậy, xét thấy tính chất mức độ, hành vi của bị cáo, bị cáo kháng cáo xin được phạt tiền nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để HĐXX xem xét.

[4.2]. Đối với bị cáo Lê Thị L kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, HĐXX xét thấy:

Bị cáo Lê Thị L bị truy tố về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS với khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Đồng thời, bị cáo bị truy tố về tội “Tổ chức đánh bạc” với hai tình tiết định khung tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 BLHS với khung hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để tuyên xử bị cáo 08 tháng tù đối với tội tổ chức đánh bạc và phạt tiền 35.000.000 đồng đối với tội đánh bạc L nhẹ so với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để HĐXX xem xét cho bị cáo.

Riêng đối với kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, HĐXX thấy rằng: Trong vụ án này, bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” nên căn cứ khoản 4 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định những trường hợp không cho hưởng án treo đối với người phạm tội bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội. Đối chiếu quy định này, bị cáo Lê Thị L không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định pháp luật.

[4.2]. Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thanh L, Phạm Thị P, Nguyễn Thị D kháng cáo xin được hưởng án treo, HĐXX nhận thấy:

Các bị cáo Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thanh L, Phạm Thị P, Nguyễn Thị D bị truy tố theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS với khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, riêng bị cáo Huỳnh Thị Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ L đang bị bệnh; đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 để tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thị D mỗi bị cáo 08 tháng tù và bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thanh L, Phạm Thị P mỗi bị cáo 07 tháng tù L phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định, một trong các điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo là phải có nhân thân tốt. Người bị kết án được coi là có nhân thân tốt nếu ngoài lần phạm tội này, người phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc.

Đối chiếu quy định này, mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 (riêng bị cáo Huỳnh Thị Đ có tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51) và các bị cáo không có tình tiết tăng nặng tại Điều 52 BLHS năm 2015. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cung cấp chứng cứ là hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang bệnh, lao động chính... có xác nhận của chính quyền địa phương, đây là căn cứ để xét hoãn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, bị cáo Huỳnh Thị Đ đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền và đã bị kết án về tội đánh bạc; bị cáo Phạm Thị P có hai tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị D đã bị kết án về tội đánh bạc. Vì vậy, không có cơ sở để HĐXX xem xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

Riêng đối với kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thị D xin nhận lại số tiền bị tạm giữ, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã chứng minh được số tiền 32.900.000 đồng của bị cáo Huỳnh Thị Đ và số tiền 56.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị D bị thu giữ được sử dụng vào mục đích đánh bạc nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước L đúng quy định pháp luật. Do đó, không có cơ sở để HĐXX chấp nhận nội dung kháng cáo này của các bị cáo.

[4.3]. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị P, Vũ Thị Kim L xin được phạt tiền hoặc hưởng án treo, HĐXX nhận thấy:

Bị cáo Lê Thị P truy tố điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS với khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm tù; bị cáo Vũ Thị Kim L bị truy tố khoản 1 Điều 321 BLHS với khung hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét thấy, các bị cáo đều là người đã thành niên, đã từng bị kết án về tội đánh bạc; riêng bị cáo Kim L chưa được xóa án tích nhưng các bị cáo lại không ý thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc thể hiện thái độ xem thường pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để tuyên phạt bị cáo Lê Thị P 07 tháng tù và bị cáo Vũ Thị Kim L 06 tháng tù L phù hợp nên bị cáo kháng cáo xem giảm nhẹ hình phạt bằng hình phạt tiền là không có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

Do các bị cáo Vũ Thị Kim L, Lê Thị P đã bị kết án về tội đánh bạc nên các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Riêng bị cáo Vũ Thị Kim L xin giảm hình phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, HĐXX xét thấy: Ngày 03/6/2018, bị cáo Vũ Thị Kim L bị kết án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h Điều 52 BLHS thuộc trường hợp tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để HĐXX xem xét.

[5]. Theo hồ sơ vụ án thể hiện, các bị cáo Lê Thị Phương N, Lâm Thị Hồng H cùng tham gia chiêu bạc với Nguyễn Thị D, Lê Thị P và cùng bị truy tố tại điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS với khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Các bị cáo D, P, N, H đều đã bị xử phạt về hành vi liên quan đến đánh bạc nên có nhân thân chưa tốt như nhau.

Đồng thời, các bị cáo D, P, N, H đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và các bị cáo đều được áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt thì Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Thị D, Lê Thị P tù có thời hạn nhưng lại áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Lê Thị Phương N, Lâm Thị Hồng H. Điều này cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa cân nhắc chặt chẽ khi quyết định hình phạt cho các bị cáo trong cùng một vụ án, bị truy tố điều khoản như nhau, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân như nhau nhưng mức hình phạt được áp dụng cho mỗi bị cáo lại khác nhau.

Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ là ăn năn hối cải nhưng trong bản án không thể hiện nội dung nhận định về việc bị cáo ăn năn hối cải.

Tuy nhiên, do các bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, theo nguyên tắc không làm bất lợi cho các bị cáo nên HĐXX không xem xét nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ trong thảo luận và nghị án, HĐXX thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 62/2019/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn V, Lê Thị L, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị P, Phạm Thị P, Nguyễn Thị D, Lê Thị P và Vũ Thị Kim L.

1. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi và bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn V** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam, tạm giữ L 04 (bốn) tháng 02 (hai) ngày.

2. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lê Thị L** 08 tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam L 02 (hai) tháng 15 (mười lăm) ngày.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lê Thị L** số tiền L 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Thị Kim L06** tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam L 02 (hai) tháng 15 (mười lăm) ngày.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Thị Đ** 08 tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam, tạm giữ L 09 (chín) ngày.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi và bổ sung năm 2017). Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Thị P** từ 07 tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam, tạm giữ L 09 (chín) ngày.

Bị cáo **Nguyễn Thị L** 07 tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam, tạm giữ L 03 (ba) ngày.

Bị cáo **Nguyễn Thanh L** 07 tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Bị cáo **Phạm Thị P** 07 tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam, tạm giữ L 09 (chín) ngày.

Bị cáo **Nguyễn Thị D** 08 tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Bị cáo **Lê Thị P** 07 tháng tù giam. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

[2]. Bị cáo Lê Văn V, Lê Thị L, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị P, Phạm Thị P, Nguyễn Thị D, Lê Thị P và Vũ Thị Kim L mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm với số tiền 200.000 đồng.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Trại tạm giam KG;
- TAND huyện G;
- THA huyện G;
- Bị cáo.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Kế Nghiệp

